

Bản án số: **50/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu

Ông Phạm Xuân Đệ

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Kiều T, sinh năm: 1993; Hộ khẩu thường trú: Số 63, ngõ 41 Đông Tác, Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số 141 Tô Vĩnh Diện, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam; Nơi công tác: 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Huy B, sinh năm: 1986; Hộ khẩu thường trú: Số 63, ngõ 41 Đông Tác, Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội; Nơi công tác: Trường PTTH Chúc Động – xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn chị Đỗ Kiều T trình bày:

Chị và anh Bùi Huy B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015, tại Ủy ban nhân dân phường Kim Liên,

quận Đống Đa, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Số 63, ngõ 41 Đông Tác, Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội cùng với bố mẹ đẻ anh B. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được thời gian đầu đến tháng 9/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do khi sống chung gia đình nhà anh B rất phức tạp, nhất là khi chị sinh cháu Hân chỗ ở cho vợ chồng chị và cháu bé chỉ khoảng 10m² mái tôn rất nóng bức và chật chội vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Sau khi sinh con được 6 tháng chị nộp hồ sơ xin việc đi làm thì anh B phản đối nói nếu chị nộp hồ sơ đi làm thì vợ chồng sẽ ly hôn và nói chị là vì sự nghiệp mà bỏ chồng con. Chị quyết định đi làm và thuê nhà ở riêng từ tháng 3/2017 và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chị mới đi làm anh B chủ động đòi ly hôn và đe dọa chị nếu không ly hôn sẽ làm khổ người thân của chị đồng thời nhấn tin chửi bới chị. Chị đồng ý ly hôn và chờ anh B đưa đơn nhưng không thấy, cũng từ thời điểm chị đi làm đến nay anh B không chu cấp gì cho con. Tháng 7/2018 chị làm đơn ly hôn nhưng anh B lại từ chối đồng thuận nên chị làm đơn đơn phương xin ly hôn anh B. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng chị rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hòa giải được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Hân sinh ngày 06/9/2016. Cháu là con gái còn nhỏ sống cùng với chị do chị trực tiếp chăm sóc từ bé đến nay. Anh B không có trách nhiệm gì với con nên ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị và anh B không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không có khoản nợ nào chung và cũng không cho ai vay nợ gì. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Huy B không đến Tòa theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, anh vắng mặt trong tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt đối với anh Bùi Huy B đều được tổng đạt: giao, niêm yết đúng quy định tại nơi cư trú của anh B. Đồng thời Tòa án cũng đã gửi công văn cho trường PTTH Chúc Động nơi anh B đang công tác và giảng dạy nhờ nhà trường giao thông báo và giấy triệu tập của Tòa cho anh B. Anh B sau khi xem và đọc thông báo của Tòa nhưng cũng đều từ chối nhận và ký nhận biên bản giao. Tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa anh B đều không đến Tòa kể cả 2 lần Tòa án thông báo phiên hòa giải đoàn tụ gia đình, và phiên tòa xét xử lần thứ nhất anh B cũng

đều vắng mặt không có lý do và anh B cũng không có lời khai hay ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

-Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

-Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Kiều T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đỗ Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn anh Bùi Huy B có Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại số 63, ngõ 41 phố Đông Tác, tổ 26 phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Huy B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Kiều T và anh Bùi Huy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng mâu thuẫn nên vợ chồng chị T anh B đã sống ly thân mỗi người ở một nơi thể hiện ở những chứng cứ mà chị T đã nộp cho Tòa án là tin nhắn giữa chị T và anh B, biên bản xác minh tại Tổ dân phố số 26 phường Kim Liên nơi cư trú của anh B và chị T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án từ 4/2019 đến nay Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ đối với anh B nhưng anh B đều từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án không thể lấy lời khai, ý kiến của anh B cũng như không thể tiến hành các phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng được. Việc anh B không ra Tòa đề hòa giải đoàn tụ vợ chồng như vậy thể hiện anh B cũng không thiết tha gì đối với cuộc hôn nhân này.

Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh B, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài nhiều năm là có căn cứ.

Từ thực trạng đời sống quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Hân sinh ngày 06/9/2016. Cháu là con gái còn nhỏ sống cùng với chị T do chị trực tiếp chăm sóc từ bé đến nay. Nên giao cháu Hân cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Kiều T được ly hôn anh Bùi Huy B.

2. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Kiều T và anh Bùi Huy B có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc Hân(nữ) sinh ngày 06/9/2016. Giao cháu Hân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh B đến khi chị T có đơn yêu cầu hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Kiều T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0008442 ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuấn

